

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM  
QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ**

**LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 22/01/2020  
của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)*

STT	Tên thủ tục hành chính	Trang
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y</b>	
1	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	1-4
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Thủy lợi</b>	
2	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện).	5-7
3	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã.	9-10
4	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã.	11

## THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

### I. Lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y

#### 1. Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp

##### a) Trình tự thực hiện

- Căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, công bố của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về địa bàn được hỗ trợ, tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp lập hồ sơ đề nghị phê duyệt đối tượng được hỗ trợ và gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức, cá nhân thực hiện sản xuất nông nghiệp.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, công bố của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về địa bàn được hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, lập danh sách tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp đề nghị phê duyệt đối tượng được hỗ trợ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, công bố của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về địa bàn được hỗ trợ, hồ sơ đề nghị phê duyệt đối tượng được hỗ trợ do Ủy ban nhân dân cấp xã gửi và báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện thẩm định, tổng hợp danh sách tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp thuộc đối tượng được hỗ trợ gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Ủy ban nhân dân cấp huyện, căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và báo cáo thẩm định của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp. Quyết định này được gửi đến Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã có liên quan.

- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt đối tượng được hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện niêm yết công khai danh sách tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp thuộc đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp tại Trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, thông báo trên hệ thống thông tin, truyền thông của xã và sao gửi cho tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp trong trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp yêu cầu.

##### b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã

##### c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

###### \* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị xem xét, phê duyệt đối tượng được hỗ trợ theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 58/2018/NĐ-CP.

- Bản kê khai về cây trồng, vật nuôi, nuôi trồng thủy sản theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định số 58/2018/NĐ-CP.

- Tài liệu chứng minh thuộc đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp đối với trường hợp đối tượng được hỗ trợ là tổ chức sản xuất nông nghiệp.

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết:** 45 ngày

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Tổ chức, cá nhân chăn nuôi trâu, bò.

**f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức, cá nhân thực hiện sản xuất nông nghiệp;

- UBND huyện/thành phố;

- Sở Nông nghiệp và PTNT;

- UBND tỉnh Đồng Nai.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**

- Danh sách tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp thuộc đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp;

- Quyết định phê duyệt danh sách đối tượng được hỗ trợ;

- UBND cấp xã niêm yết công khai danh sách tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp thuộc đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm

**h) Phí, lệ phí:** Không

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị xem xét, phê duyệt đối tượng được hỗ trợ theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 58/2018/NĐ-CP.

- Bản kê khai về cây trồng, vật nuôi, nuôi trồng thủy sản theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định số 58/2018/NĐ-CP.

**j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 ngày 09/12/2000;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 61/2010/QH12 ngày 24/10/2010

- Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XEM XÉT, PHÊ DUYỆT ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HỖ TRỢ**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn....

Căn cứ Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 22/QĐ-TTg ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp;

**Trường hợp cá nhân sản xuất nông nghiệp:**

- Tên cá nhân sản xuất nông nghiệp: .....  
- Ngày, tháng, năm sinh:.....  
- CMND/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số: .....  
do ..... ngày..... tháng..... năm..... tại .....

- Địa chỉ thường trú: .....

- Thuộc diện:       Hộ nghèo       Hộ cận nghèo       Hộ khác

**Trường hợp tổ chức sản xuất nông nghiệp:**

- Tên tổ chức sản xuất nông nghiệp: .....  
- Giấy phép đăng ký kinh doanh số: .....  
do ..... ngày ..... tháng ..... năm.....

- Địa chỉ: .....

- Là tổ chức sản xuất nông nghiệp thuộc diện đối tượng tổ chức được hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp theo Quyết định số 22/QĐ-TTg ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ.

Đề nghị Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn ..... rà soát, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt chúng tôi là đối tượng được hỗ trợ bảo hiểm theo Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của Đơn này và hồ sơ kèm theo.

**Hồ sơ kèm theo:**

- .....  
- .....

..., ngày.... tháng.... năm...

**CHỦ HỘ/**

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

**Nơi nhận:**

- Như trên;  
- UBND tỉnh;

**BẢN KÊ KHAI**  
**VỀ CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI, THỦY SẢN**

Tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp:...

<b>STT</b>	<b>Loại cây trồng/ vật nuôi/ thủy sản</b>	<b>Diện tích cây trồng</b>	<b>Số lượng vật nuôi</b>	<b>Diện tích nuôi trồng thủy sản</b>
1				
2				
...				

## II. Lĩnh vực Thủy lợi

2. Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện).

### a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ gửi hồ sơ đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ tại UBND cấp xã để thực hiện xem xét thanh toán, giải ngân.

Bước 2: Đối với hồ sơ chưa đầy đủ hợp lệ, UBND cấp xã đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ hoặc từ chối thực hiện nếu hồ sơ không hợp lệ.

Bước 3: Xem xét hồ sơ và trình phê duyệt UBND cấp xã thanh toán nguồn vốn hỗ trợ cho người đề nghị hỗ trợ trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc theo đường bưu điện đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã

### c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị hỗ trợ theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018;

+ Hồ sơ được phê duyệt;

+ Biên bản nghiệm thu giai đoạn hoặc nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng.

- Số lượng: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

### e) Đối tượng thực hiện TTHC:

Các tổ chức thủy lợi cơ sở, cá nhân là thành viên của tổ chức thủy lợi cơ sở.

f) Cơ quan thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp xã.

g) Kết quả thực hiện TTHC: thanh toán giải ngân vốn hỗ trợ.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, tờ khai: Đơn đề nghị về việc hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (mẫu kèm theo Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ).

### j) Điều kiện thực hiện TTHC:

- Đối với Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình tích trữ nước:

+ Phù hợp với quy hoạch chung xây dựng xã;

+ Đảm bảo cấp nước, tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp cho tối thiểu 3 thành viên của tổ chức thủy lợi cơ sở; được tất cả các thành viên hưởng lợi đồng

thuận đóng góp phần kinh phí còn lại; tổ chức thủy lợi cơ sở tự quản lý, khai thác công trình sau đầu tư.

- Hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước:

+ Đối với cá nhân: Quy mô khu tưới phải đạt từ 0,3 ha trở lên; riêng khu vực miền núi từ 0,1 ha trở lên; việc hỗ trợ cho cá nhân được thông qua tổ chức thủy lợi cơ sở.

+ Đối với tổ chức thủy lợi cơ sở: Quy mô khu tưới phải đạt từ 02 ha trở lên; riêng khu vực miền núi từ 01 ha trở lên và phải có hợp đồng liên kết với hộ gia đình hoặc cá nhân trực tiếp sản xuất;

+ Hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước tưới phục vụ các loại cây trồng là cây trồng chủ lực của quốc gia, địa phương, có lợi thế, phù hợp với nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu từng vùng, miền.

**k) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

**Phụ lục**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm 20....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Về việc hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng,  
tưới tiên tiến, tiết kiệm nước**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã.....

Tên tổ chức thủy lợi cơ sở/cá nhân: .....

Địa chỉ:.....

Điện thoại: .....

Đề nghị Ủy ban nhân dân xã.....hỗ trợ đầu tư xây dựng  
công trình..... với các nội dung  
sau:

1. Tên công trình: .....

2. Chủ đầu tư: .....

3. Địa điểm xây dựng: .....

4. Mục tiêu đầu tư.....

5. Quy mô công trình: .....

- Diện tích phục vụ tưới:..... ha.

- Diện tích đất xây dựng công trình:.....m<sup>2</sup>.

- Thông số kỹ thuật chủ yếu.

6. Số đối tượng được hưởng lợi từ công trình:.....hộ.

7. Tổng kinh phí đầu tư xây dựng công trình:.....đồng.

Trong đó:

- Kinh phí đề nghị nhà nước hỗ trợ: ..... đồng, tương đương ..... %

- Kinh phí các đối tượng hưởng lợi đóng góp:.....đồng.

- Kinh phí huy động khác (nếu có): .....đồng.

Đề nghị Ủy ban nhân dân xã ..... xem xét giải quyết./.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ**

*(Ký và ghi đầy đủ họ tên)*



**3. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã.**

**a) Trình tự thực hiện**

Bước 1: Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đến UBND cấp xã.

Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, trường hợp đủ điều kiện, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản.

**b) Cách thức thực hiện**

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc theo đường bưu điện đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ gồm:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập;

- Dự thảo phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập;

- Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật;

- Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan;

- Các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có).

\* Số lượng: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:**

Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**e) Đối tượng thực hiện TTHC:**

- Tổ chức;

- Cá nhân.

**f) Cơ quan giải quyết TTHC: UBND cấp xã**

**g) Kết quả thực hiện TTHC: Phương án được phê duyệt**

**h) Phí, lệ phí: Không**

**i) Tên mẫu đơn, tờ khai: Không**

**j) Điều kiện thực hiện TTHC: Không**

**k) Căn cứ pháp lý của TTHC.**

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;
- Khoản 1; khoản 3; điểm a khoản 4; điểm a khoản 5 - Điều 7, Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

#### **4. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã**

##### **a) Trình tự thực hiện**

Bước 1: Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đến UBND cấp xã.

Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Bước 3: Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, trường hợp đủ điều kiện, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, cơ quan tiếp nhận trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản.

##### **b) Cách thức thực hiện**

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc theo đường bưu điện đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã

##### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ gồm:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt;
- Dự thảo phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp;
- Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật;
- Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có).

\* Số lượng: 01 bộ.

##### **d) Thời hạn giải quyết:**

Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

##### **e) Đối tượng thực hiện TTHC:**

- Tổ chức;
- Cá nhân.

**f) Cơ quan giải quyết TTHC:** UBND cấp xã.

**g) Kết quả thực hiện TTHC:** Phương án được phê duyệt

**h) Phí, lệ phí:** Không

**i) Tên mẫu đơn, tờ khai:** Không

**j) Điều kiện thực hiện TTHC:** Không

**k) Căn cứ pháp lý của TTHC.**

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Khoản 1; khoản 3; điểm a khoản 4; điểm a khoản 5 - Điều 26, Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.